

Bản án số: 218/2017/DS-PT
Ngày 14 tháng 9 năm 2017
V/v “Tranh chấp QSSSD, QSH
nhà và yêu cầu hủy GCNQSDĐ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Khởi;

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh;

Ông Đặng An Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ưc Minh Thanh Thúy – Thư ký Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2017/DS-ST ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Văn P, sinh năm 1933 (*Có đơn xin xét xử vắng đề ngày 22/6/2017*);

- Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông NLQ9, sinh năm 1969 (*có mặt*);

Cùng địa chỉ: Ô 4, khu A, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Anh T - thuộc đoàn Luật sư tỉnh Long An (*có mặt*);

Bị đơn:

1. Ông Mai Minh H, sinh năm 1972 (*có mặt*) ;

2. Bà Phạm Ngọc L, sinh năm 1972 (*có mặt*);

Cùng địa chỉ: Ô 4, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Kim Ron T1, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ liên lạc: Số 200/19, NHT, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, tỉnh Long An (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/6/2017).

Địa chỉ trụ sở: Ô 7, khu B, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

2. NLQ2. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 08/5/2017).

3. Bà NLQ3, sinh năm 1959 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/6/2017);

4. Bà NLQ4, sinh năm 1962 (có mặt);

5. Bà NLQ5, sinh năm 1964 (có mặt);

6. Bà NLQ6, sinh năm 1978 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/6/2017);

7. Ông NLQ7, sinh năm 1966 (có mặt);

8. Bà NLQ8, sinh năm 1970 (Vợ ông NLQ7 - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/6/2017);

9. Ông NLQ9, sinh năm 1969 (có mặt);

10. Chị NLQ10, sinh năm 1992 (con ông NLQ7, bà NLQ8 - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/6/2017);

11. Chị NLQ11, sinh năm 1993 (con ông H, bà L - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

12/ Ông NLQ12, sinh năm 1983 (chồng Chị NLQ11 - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

13. NLQ13, sinh năm 1998 (con ông NLQ9- có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/6/2017);

14. NLQ14, sinh năm 2004 (con ông H, bà L - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

15. NLQ15, sinh năm 2000 (con ông NLQ7, bà NLQ8 - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 22/6/2017);

Cùng địa chỉ: Ô 4, thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bị đơn – Ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2014 và đơn sửa đổi bổ sung các ngày 24/12/2014, 23/9/2015, bản tự khai 23/9/2015 của nguyên đơn ông Mai Văn P xác định:

Vào năm 1966, ông Mai Văn P được cha là Mai Văn D để lại cho ông P nhiều thửa đất. Trong quá trình sử dụng vợ chồng ông Mai Văn P đã cất nhà ở tại thửa 337 và trồng nhiều cây lâu năm như cây sao, cây tre, cây tầm vông tại các thửa 337, 341. Phần đất này ông Mai Văn P được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1991, loại mẫu giấy “tắc đất, tắc vàng”. Sau khi bà Trần Thị T2 vợ ông P chết, đến ngày 03/10/1996 ông P cùng 7 người con họp gia đình thống nhất phân chia di sản chung của bà Trần Thị T2 – được thể hiện tại Bản tương phân, có người làm chứng là bà Mai Thị B và được UBND thị trấn HN, chứng thực số 80/96/XNCQ ngày 05/10/1996. Sau khi có Bản tương phân thì các con ông P đã nhận đủ phần đất được chia theo Bản tương phân và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định (trong đó có Mai Minh H). Đối với phần đất còn lại tại các thửa số 341, 260, 329 và 337 thuộc tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An là của cá nhân ông P.

Tuy nhiên, sau khi ông P phát hiện phần đất của cá nhân ông đã được NLQ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng Mai Minh H, Phạm Ngọc L thì ông P đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân thị trấn HN đề nghị giải quyết buộc vợ chồng ông H, bà L trả lại quyền sử dụng đất toàn bộ các thửa 260 diện tích đất 3.136m² loại đất lúa, thửa 329 diện tích 1.151m² loại đất lúa, thửa 337 diện tích 1.984m² loại đất Hg/b, nhưng vợ chồng ông H, bà L không đồng ý trả, nên ông Mai Văn P khởi kiện tại Tòa án yêu cầu:

- Buộc vợ chồng Ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L phải trả lại cho ông Mai Văn P phần đất tranh chấp tại các thửa số 260, 329, 337 và 341 thuộc tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN với diện tích cụ thể:

- Kiện ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L và những người liên quan trả lại cho ông P diện tích đất tại các thửa đất với diện tích đất cụ thể :

- + Một phần thửa đất số 260 có diện tích 924,3m²/1 174,4m² thuộc vị trí A;
- + Toàn bộ thửa 329 diện tích 1.152,2m²;
- + Một phần thửa đất số 337 có diện tích 782m²/1982m² thuộc vị trí A;
- + Một phần thửa đất số 341 có diện tích 655,4m²/699,5m² thuộc vị trí A;

(Theo các bản trích đo được Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH, tỉnh Long An duyệt ngày 14/4/2016).

- Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q193164 ngày 08/01/2000 do NLQ1 cấp cho Mai Minh H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số T268939 ngày 26/9/2001 do NLQ2 cấp cho Mai Minh H đối với các thửa đất tranh chấp nêu trên.

- Buộc vợ chồng ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L phải giao trả cho ông P ngôi nhà (ký hiệu số 1) có diện tích là 124,1m² tọa lạc tại thửa 341 (nay là thửa 757) Tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

(Theo bản trích đo ngày 14/4/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện ĐH, tỉnh Long An).

Bị đơn ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L trình bày:

Do ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L sống chung với ông P, trực tiếp quản lý và sử dụng đất từ năm 1990. Đến năm 2002 vợ chồng ông H, bà L được ông Mai Văn P tặng cho và sang tên cho Mai Minh H đứng tên toàn bộ diện tích đất tại các thửa 341, 337, 260, 329 thuộc Tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

Đến năm 2004, ông H và bà L bán phần diện tích đất giáp với phần đất đang tranh chấp cho ông Lê Trần Thanh B1, lấy tiền xây dựng căn nhà cấp 4 kiên cố có hiện trạng như hiện nay để chung sống phụng dưỡng ông Mai Văn P. Tuy nhiên, đến tháng 9/2013 do ông H bị tai nạn giao thông, việc chăm sóc ông P các anh chị của ông H không vừa ý, nên các anh, chị em của ông H rước ông P về chăm sóc; từ đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tranh chấp quyền sử dụng đất, sở hữu nhà như đã nêu.

Nay ông H, bà L đề nghị Tòa án tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của ông P vì ông P đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H bằng ý chí tự nguyện của ông P, việc đứng tên quyền sử dụng đất nêu trên là hợp pháp được Nhà nước bảo hộ. Đối với ngôi nhà là sở hữu của bà L và ông H xây dựng từ nguồn tiền đã bán nhà đất riêng của mình.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông NLQ9, ông NLQ7, bà NLQ8 trình bày: Điều Thống nhất với trình bày nêu trên của ông Mai Văn P.

Tuy nhiên, các ông bà NLQ9, NLQ7, NLQ8 xác định: Vào năm 1995 khi ông Mai Văn P dời nhà từ thửa đất số 337 và cất lại nhà trên thửa đất số 341 thì phần đất thuộc thửa 337 nhà cũ ông Mai Văn P cho lại các ông NLQ9, NLQ7 mỗi người 600m². Đến 1998 ông NLQ9, ông NLQ7 đều sử dụng và cất nhà trên này nhưng không hiểu gì sau đến năm 2000 UBND huyện ĐH lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Minh H là không xác minh đất theo hiện trạng thực tế vì trên đất đã có nhà ở ổn định của các ông NLQ9, NLQ7;

Nay, các ông bà NLQ9, NLQ7, NLQ8 phản tố yêu cầu sau:

+ Yêu cầu ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L cho ông NLQ9 quyền sử dụng đất phần đất có diện tích 600m²/1.982m² thuộc thửa 337 (vị trí B vì trên đất có ngôi nhà số 1, 2 theo trích đo bản đồ địa chính ngày 14/4/2016) tờ bản đồ số

10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An và phải trả cho vợ chồng ông NLQ7, bà NLQ8 quyền sử dụng đất phần đất có diện tích 600m²/1982m² thuộc thửa 337 (vị trí C ngôi nhà số 3, 4, 5 theo trích đo bản đồ địa chính ngày 14/4/2016) tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An.

+ Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 193164 vào sổ số 000572/QSDD/0709-LA ngày 08/01/2000 do UBND huyện ĐH đã cấp cho ông Mai Minh H đối với thửa đất trên.

+ Yêu cầu công nhận hiệu lực của việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Văn P với các ông NLQ9, NLQ7 đối với một phần thửa đất 337 nêu trên (vị trí B, C theo trích đo bản đồ địa chính ngày 14/4/2016).

Ý kiến của Ủy ban nhân dân thị trấn HN: Theo Công văn số 41/UBND-DS ngày 20/3/2015 của Ủy ban nhân dân thị trấn HN xác định: Vào năm 1998 UBND thị trấn HN tổ chức đăng ký cấp giấy CNQSDD theo mẫu trung ương (giấy đỏ) gồm đất ở và đất sản xuất. Ông Mai Văn P không có lập hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất cho con là Mai Minh H, mà ông Hoàng được cấp giấy lần đầu như đã nêu trên.

Ý kiến của NLQ1: Tại văn bản ngày 01/12/2016 của NLQ1 xác định: Ngày 08/01/2000 NLQ1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Minh H với diện tích 6.271m² gồm các thửa đất số 260, 329, 337 tờ bản đồ số 10 đất tọa lạc tại thị trấn HN. Việc cấp giấy chứng nhận đất nêu trên cho ông Mai Minh H, hiện tại hồ sơ đã bị thất lạc không còn lưu trữ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đã quyết định:

Căn cứ theo các Điều Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2, 3, 9 Điều 26, 34, 39, 147, 157, 161, 165, 227, 229, 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 9, 38, 46, 48, 49, 50, 52 Luật đất đai năm 1993; Điều 203 Luật đất đai năm 2014; Các Điều 690, 691, 692, 696, 697 và các Điều 738 - 744 Bộ luật dân sự năm 1995; Khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn P:

1.1. Tranh chấp xin Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q193164 do NLQ1 cấp ngày 08/01/2000 cho ông Mai Minh H, và đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 268939 do NLQ2 cấp cho ông Mai Minh H ngày 26/9/2001.

- Tuyên xử: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q193164 do NLQ1 cấp ngày 08/01/2000 cho ông Mai Minh H. Diện tích bị hủy giấy CNQSDD là:

+ Một phần thửa đất số 260 có diện tích đất $924,3\text{m}^2/1174,4\text{m}^2$ thuộc vị trí A, theo Mảnh trích đo địa chính số 117-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016;

+ Toàn bộ thửa 329 diện tích $1.152,2\text{m}^2$, theo Mảnh trích đo địa chính số 118- 2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016;

+ Một phần thửa đất số 337 có diện tích $782\text{m}^2/1.982\text{m}^2$ thuộc vị trí A, theo Mảnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016;

- Tuyên xử: Hủy một phần giấy chứng nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 268939 do NLQ2 cấp ngày 26/9/2001 cho ông Mai Minh H. Diện tích bị hủy giấy CNQSDĐ là:

+ Một phần đất thửa đất số 341 có diện tích $655,4\text{m}^2/699,5\text{m}^2$ thuộc vị trí A, theo Mảnh trích đo địa chính số 119-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

1.2. Về tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi lại quyền sử dụng đất:

Tuyên xử: Buộc ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L, NLQ11, NLQ12, NLQ14 phải thực hiện trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Mai Văn P quyền sử dụng đất tại các thửa đất sau:

+ Một phần thửa đất số 260 có diện tích đất $924,3\text{m}^2/1.174,4\text{m}^2$ thuộc vị trí A; theo Mảnh trích đo địa chính số 117-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016; ông Mai Văn P có nghĩa vụ thôi hoàn cho vợ chồng ông Mai Minh H bà Phạm Ngọc L giá trị tài sản gắn liền với đất số tiền là 2.000.000đ.

+ Toàn bộ thửa 329 diện tích $1.152,2\text{m}^2$; theo Mảnh trích đo địa chính, số 118- 2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016; ông Mai Văn P có nghĩa vụ thôi hoàn cho vợ chồng ông Mai Minh H bà Phạm Ngọc L giá trị tài sản gắn liền với đất số tiền là 2.500.000đ.

+ Một phần thửa đất số 337 có diện tích $782\text{m}^2/1.982\text{m}^2$ thuộc vị trí A; theo Mảnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016;

+ Một phần thửa đất số 341 có diện tích $655,4\text{m}^2/699,5\text{m}^2$ thuộc vị trí A; theo Mảnh trích đo địa chính số 119-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

Các phần đất này có tứ cận theo bản trích đo bản đồ địa chính kèm theo quyền sở hữu tài sản cho ông Mai Văn P các tài sản, có trên các thửa đất kể trên.

- Ông Mai Văn P có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định chung.

1.3 Về tranh chấp quyền sở hữu về nhà ở.

- Tuyên xử: Xác định Ngôi nhà tọa lạc tại vị trí A của thửa đất số 341 gồm: Nhà 124.1m² có giá trị là 336.881.860đ; Hồ nước 6.9m² có giá trị là 2.656.500đ; Nhà bếp và nhà tắm 8.5m² có giá trị là 11.177.500đ; Chuồng bò 21.6m² có giá trị là 1.658.880đ. Tổng cộng là: 352.374.740đ là sở hữu chung hợp nhất không có xác định phần sở hữu: ông Mai Văn P; ông Mai Minh H; bà Phạm Ngọc L mỗi người có quyền sở hữu là 1/3 đối với tài sản này; các con bà L ông H xác định không có phần sở hữu chung đối với tài sản này.

- Chia và giao quyền sở hữu Nhà 124.1m²; Hồ nước 6.9m²; Nhà bếp và nhà tắm 8.5m²; Chuồng bò 21.6 m². Tổng cộng có giá trị là: 352.374.740đ, tọa lạc tại vị trí A thửa đất số 341 có diện tích 655,4m²/699,5m² cho ông Mai Văn P, ông Phao được quyền sở hữu đối với tài sản này. Buộc ông Mai Văn P phải thực hiện nghĩa vụ chia hoàn giá trị cho ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L số tiền là: 234.916.493đ; Ông Mai Văn P có quyền sở hữu đối với các tài sản sau: Bồn cho bò ăn 2.48m²; nhà vệ sinh 2m²; nhà quán cặp lộ 11.9m² tọa lạc tại vị trí A thửa đất số 341 có diện tích 655,4m²/699,5m². Ông Mai Văn P có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản cho ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L số tiền là 4.180.480đ;

- Buộc ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L, chị NLQ11, anh NLQ12, anh NLQ14 phải di dời tài sản riêng ra khỏi các tài sản phải giao gồm Nhà 124.1m²; Hồ nước 6.9m²; Nhà bếp và nhà tắm 8.5 m²; Chuồng bò 21.6m²; Bồn cho bò ăn 2.48m²; Nhà vệ sinh 2m²; Nhà quán cặp lộ 11.9m² tọa lạc tại vị trí A thửa đất số 341 cho ông Mai Văn P.

Thời gian thực hiện giao nhà, các tài sản tọa lạc tại vị trí A thửa đất số 341 theo Mạnh trích đo địa chính số 119-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016 là 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực.

2/ Về đơn tranh chấp của ông NLQ9 xin Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại quyền sử dụng đất:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn kiện của ông NLQ9:

Tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q193164 do NLQ1 cấp ngày 08/01/2000 cho ông Mai Minh H; phần tuyên hủy tại thửa 337 có diện tích 600m²/1.982m² tại vị trí B theo Mạnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

Buộc ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L trả lại quyền sử dụng đất một phần thửa đất số 337 có diện tích 600m²/1.982m² tại vị trí B cho ông NLQ9; phần đất này có tứ cận theo Mạnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

Chấp nhận hiệu lực giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Văn P với ông NLQ9 đối với phần đất vị trí B, diện tích 600m²/1.982m² thửa 337, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An. Ông NLQ9 có quyền kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định chung của pháp luật về đất đai.

3/ Về đơn tranh chấp của ông NLQ7, bà NLQ8 xin Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại quyền sử dụng đất:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn kiện của ông NLQ7, bà NLQ8: Tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 193164 do NLQ1 cấp ngày 08/01/2000 cho ông Mai Minh H; Phần tuyên hủy tại thửa 337 có diện tích 600m²/1.982m² tại vị trí C, theo Mảnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

Buộc ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L trả lại quyền sử dụng đất một phần thửa đất số 337 có diện tích 600m²/1.982m² tại vị trí C cho ông NLQ7, bà NLQ8; phần đất này có tứ cận theo Mảnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

Công nhận hiệu lực giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Văn P với ông NLQ7 đối với phần đất vị trí C, diện tích 600m²/1.982m² thửa 337, TĐĐ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An. Ông NLQ7, bà NLQ8 có quyền kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định chung của pháp luật về đất đai.

4/ Về Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc lập bản trích đo, định giá tài sản:

Tổng cộng đã chi số tiền là: 30.100.000đ. Tất cả các khoản chi này đều do ông Mai Văn P yêu cầu và tạm ứng chi.

Ông Mai Văn P phải chịu nộp số tiền 5.000.000đ; ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L phải chịu số tiền 25.100.000đ. Buộc ông Hoàng, bà Liên phải nộp 25.100.000đ để hoàn lại cho ông Phao số tiền là 25.100.000đ.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Văn P phải chịu 6.306.936đ án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.900.000đ tại biên lai thu số 0000866 ngày 14/10/2014 và 3.950.000đ tại biên lai thu số 0002345 ngày 9/7/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH. Hoàn trả cho ông Phao số tiền tạm ứng án phí là 13.543.064đ.

- Ông NLQ9, ông NLQ7 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trường số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ tại biên lai thu số 0000130 ngày 15/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH. Hoàn trả lại cho ông NLQ7 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ tại biên lai thu số 0000129 ngày 15/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH.

- Ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L phải liên đới chịu 112.430.242đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 3 năm 2017, bị đơn bà Phạm Ngọc L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017, bị đơn ông Mai Minh H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Tại phiên tòa bị đơn ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn Mai Minh H, Phạm Ngọc L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016, đủ cơ sở kết luận phần đất tranh chấp giữa các ông Mai Văn P, NLQ9, NLQ7 với vợ chồng ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L thuộc tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An có vị trí và diện tích ở tại các thửa sau:

- Một phần thửa đất số 260 có diện tích $924,3m^2/1.174,4m^2$ thuộc vị trí A;
- Toàn bộ thửa đất số 329 diện tích $1.152,2m^2$;
- Toàn bộ thửa đất số 337 diện tích $1982m^2$ (của ông Mai Văn P thuộc vị trí A diện tích $782m^2$; của ông NLQ9 thuộc vị trí B diện tích $600m^2$; của ông NLQ7 thuộc vị trí C diện tích $600m^2$);
- Một phần thửa đất số 341 có diện tích $655,4m^2/699,5m^2$ thuộc vị trí A;

[2] Phần đất tranh chấp trên được các bên xác định là tài sản chung của vợ chồng ông Mai Văn P và bà Trần Thị T2 (bà *Thưng* chết vào ngày 15/3/1993). Sau khi bà Trần Thị T2 chết các đồng thừa kế của bà T2 đã tiến hành họp để phân chia di sản của bà T2 cho các đồng thừa kế; việc phân chia di sản này được thể hiện tại Tờ tương phân đề ngày 03/10/1996 có bà Mai Thị B là người làm chứng và được chứng thực tại số 80/96/XN CQ ngày 05/10/1996 của Ủy ban nhân dân thị trấn HN. Trong đó ông Mai Minh H chỉ được chia $400m^2$ đất thổ cư và 0,15 hecta đất canh tác; phần còn lại là của ông Mai Văn P và các đồng thừa kế khác.

Do đó, đủ căn cứ xác định phần diện tích đất tranh chấp tại các thửa 260, 329, 337, 341 nêu trên là của cá nhân Mai Văn P và ông P cũng thừa nhận phần đất diện tích 1.982m² tại thửa số 337 ông đã tặng cho các ông NLQ9, NLQ7 mỗi người 600m². Dù việc tặng cho này không có lập hợp đồng nhưng trong thực tế các ông NLQ9, NLQ7 đã cất nhà ở và sử dụng phần đất trên ổn định từ năm 1998 đến nay. Vì vậy bản án sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên công nhận hiệu lực giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Văn P với ông NLQ9 đối với phần đất vị trí B, diện tích 600m²/1.982m² thửa 337, TĐĐ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An; công nhận hiệu lực giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Văn P với ông NLQ7 đối với phần đất vị trí C, diện tích 600m²/1.982m² thửa 337, TĐĐ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An là có cơ sở.

[3] Tuy nhiên, theo lời trình bày của ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L xác định phần đất tranh chấp trên được ông Mai Văn P tặng cho vợ chồng ông H, bà L vào năm 2002 và đã được UBND huyện ĐH, UBND tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận toàn bộ diện tích đất trên cho ông H.

Việc tặng cho này không được ông Mai Văn P thừa nhận, phía ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L cũng không còn chứng nào khác để chứng minh việc tặng cho của ông Mai Văn P. Nên bản án sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của ông Mai Văn P và phản tố của các ông NLQ9, NLQ7; buộc vợ chồng ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L phải có nghĩa vụ hoàn trả phần đất tranh chấp tại các thửa 260, 329, 337, 341 các ông Mai Văn P, Mai Văn Trường, NLQ7 là có căn cứ.

[4] Về nội dung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q193164 ngày 08/01/2000 do NLQ1 cấp cho ông Mai Minh H và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T268939 ngày 26/9/2001 do NLQ2 cấp cho ông Mai Minh H liên quan đến các thửa đất tranh chấp nêu trên của các ông Mai Văn P, Mai Văn Trường, NLQ7 nhận thấy NLQ1 và NLQ2 khi cấp giấy chứng nhận quyền cho Mai Minh H thì không thẩm tra, kiểm tra nguồn gốc đất ai là người có quyền sử dụng hợp pháp; hiện trạng đất ai là người đang quản lý sử dụng. Trong khi đất ông Mai Văn P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo Quyết định số 977/UB.QĐ.91 ngày 23/11/1991 của NLQ2 và trên phần đất đã có nhà ở của các ông NLQ9, NLQ7 sử dụng từ năm 1998 (*trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai Minh H*). Vì lẽ đó bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn P và phản tố của các ông NLQ9, NLQ7 về việc tuyên hủy 1 phần các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q193164 ngày 08/01/2000 của NLQ1 và số T268939 ngày 26/9/2001 của NLQ2 cấp cho ông Mai Minh H là có căn cứ.

[5] Về nội dung tranh chấp quyền sở hữu nhà ở có giá trị là 352.374.740 đồng giữa ông Mai Văn P với vợ chồng ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L thấy rằng: căn nhà xây dựng vào năm 2004, thời điểm này có mặt cả 3 người ông Mai Văn P, ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L cùng chung sức xây cất; theo lời khai

của các nhân chứng tiền mua vật liệu xây nhà, tiền công thợ cả ông Mai Văn P và với vợ chồng ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L đều có tham gia chi trả. Hơn nữa vào thời điểm xây nhà ông Mai Minh H có chuyển nhượng 2000m² đất trồng lúa tại thửa số 260 cho bà NLQ6 giá 7.000.000đ và chuyển nhượng 400m² đất thổ cư tại thửa 341 cho ông Lê Trần Thanh B1 100.000.000đ là có thật. Do đó, bản án sơ thẩm xác định căn nhà trên là tài sản chung của ông Mai Văn P, ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L nên chia làm 3 phần, mỗi người được hưởng, ngôi nhà có giá trị là: 352.374.740đ : 3 = 117.458.246đ là có căn cứ.

Mặt khác, do căn nhà trên được nhà xây dựng phần đất của ông Mai Văn P, nên bản án sơ thẩm giao căn nhà cho ông P được quản lý sử dụng và phải hoàn trả lại giá trị bằng tiền cho vợ chồng ông H, bà L là phù hợp.

[6] Như phân tích trên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông bà; Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[7] Các khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc lập bản trích đo, định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và có giá ngạch đã được bản án sơ thẩm tính đúng và buộc trách nhiệm của từng người tham gia tố tụng phải chịu đúng theo quy định nên không đặt ra xem xét lại.

[8] Do yêu cầu kháng cáo của ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L không được chấp nhận nên ông H, bà L chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ theo các Điều 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2, 3, 9 Điều 26, Điều 34, 39, 147, 157, 161, 165, 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 9, 38, 46, 48, 49, 50, 52 Luật đất đai năm 1993; Điều 203 Luật đất đai năm 2014; Các Điều 690, 691, 692, 696, 697; các Điều 738 - 744 Bộ luật dân sự năm 1995; Khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn P:

1.1. Tranh chấp xin Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q193164 do NLQ1 cấp ngày 08/01/2000 cho ông Mai Minh H và đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 268939 do NLQ2 cấp cho ông Mai Minh H ngày 26/9/2001.

- Tuyên xử: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q193164 do NLQ1 cấp ngày 08/01/2000 cho ông Mai Minh H. Diện tích bị hủy giấy CNQSDĐ là:

+ Một phần thửa đất số 260 có diện tích đất $924,3\text{m}^2/1.174,4\text{m}^2$ thuộc vị trí A, theo Mảnh trích đo địa chính số 117-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016;

+ Toàn bộ thửa 329 diện tích $1.152,2\text{m}^2$ theo Mảnh trích đo địa chính số 118- 2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016;

+ Một phần thửa đất số 337 có diện tích $782\text{m}^2/1.982\text{m}^2$ thuộc vị trí A, theo Mảnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016;

- Tuyên xử: Hủy một phần giấy chứng nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 268939 do NLQ2 cấp ngày 26/9/2001 cho ông Mai Minh H. Diện tích bị hủy giấy CNQSDĐ là:

+ Một phần đất thửa đất số 341 có diện tích $655,4\text{m}^2/699,5\text{m}^2$ thuộc vị trí A, theo Mảnh trích đo địa chính số 119-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

1.2. Về tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi lại quyền sử dụng đất:

Tuyên xử: Buộc ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L, NLQ11, NLQ12, NLQ14 phải thực hiện trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Mai Văn P quyền sử dụng đất tại các thửa đất sau:

+ Một phần thửa đất số 260 có diện tích đất $924,3\text{m}^2/1.174,4\text{m}^2$ thuộc vị trí A; theo Mảnh trích đo địa chính số 117-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016; ông Mai Văn P có nghĩa vụ thôi hoàn cho vợ chồng ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L giá trị tài sản gắn liền với đất số tiền là 2.000.000đ.

+ Toàn bộ thửa 329 diện tích $1.152,2\text{m}^2$; theo Mảnh trích đo địa chính, số 118- 2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016; ông Mai Văn P có nghĩa vụ thôi hoàn cho vợ chồng ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L giá trị tài sản gắn liền với đất số tiền là 2.500.000đ.

+ Một phần thửa đất số 337 có diện tích $782\text{m}^2/1.982\text{m}^2$ thuộc vị trí A; theo Mảnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016;

+ Một phần thửa đất số 341 có diện tích $655,4\text{m}^2/699,5\text{m}^2$ thuộc vị trí A; theo Mảnh trích đo địa chính số 119-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

Các phần đất này có tứ cận theo bản trích đo bản đồ địa chính kèm theo quyền sở hữu tài sản cho ông Mai Văn P các tài sản, có trên các thửa đất kể trên.

- Ông Mai Văn P có quyền, nghĩa vụ kê khai đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định chung.

1.3 Về tranh chấp quyền sở hữu về nhà ở.

- Tuyên xử: Xác định ngôi nhà tọa lạc tại vị trí A của thửa đất số 341 gồm: Nhà 124.1m^2 có giá trị là 336.881.860đ; Hồ nước 6.9m^2 có giá trị là 2.656.500đ; Nhà bếp và nhà tắm 8.5m^2 có giá trị là 11.177.500đ; Chuồng bò 21.6m^2 có giá trị là 1.658.880đ. Tổng cộng là: 352.374.740đ là sở hữu chung hợp nhất không có xác định phần sở hữu: ông Mai Văn P; ông Mai Minh H; bà Phạm Ngọc L mỗi người có quyền sở hữu là 1/3 đối với tài sản này; các con bà L ông H xác định không có phần sở hữu chung đối với tài sản này.

- Chia và giao quyền sở hữu Nhà 124.1m^2 ; Hồ nước 6.9m^2 ; Nhà bếp và nhà tắm 8.5m^2 ; Chuồng bò 21.6m^2 . Tổng cộng có giá trị là: 352.374.740đ, tọa lạc tại vị trí A thửa đất số 341 có diện tích $655,4\text{m}^2/699,5\text{m}^2$ cho ông Mai Văn P, ông Phao được quyền sở hữu đối với tài sản này. Buộc ông Mai Văn P phải thực hiện nghĩa vụ chia hoàn giá trị cho ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L số tiền là: 234.916.493đ; Ông Mai Văn P có quyền sở hữu đối với các tài sản sau: Bồn cho bò ăn 2.48m^2 ; nhà vệ sinh 2m^2 ; nhà quán cặp lộ 11.9m^2 tọa lạc tại vị trí A thửa đất số 341 có diện tích $655,4\text{m}^2/699,5\text{m}^2$. Ông Mai Văn P có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản cho ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L số tiền là 4.180.480đ;

- Buộc ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L, chị NLQ11, anh NLQ12, anh NLQ14 phải di dời tài sản riêng ra khỏi các tài sản phải giao gồm Nhà 124.1m^2 ; Hồ nước 6.9m^2 ; Nhà bếp và nhà tắm 8.5m^2 ; Chuồng bò 21.6m^2 ; Bồn cho bò ăn 2.48m^2 ; Nhà vệ sinh 2m^2 ; Nhà quán cặp lộ 11.9m^2 tọa lạc tại vị trí A thửa đất số 341 cho ông Mai Văn P.

Thời gian thực hiện giao nhà, các tài sản tọa lạc tại vị trí A thửa đất số 341 theo Mảnh trích đo địa chính số 119-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016 là 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực.

2/ Về đơn tranh chấp của ông NLQ9 xin Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại quyền sử dụng đất:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn kiện của ông NLQ9:

Tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q193164 do NLQ1 cấp ngày 08/01/2000 cho ông Mai Minh H; phần tuyên hủy tại thửa 337 có diện tích $600\text{m}^2/1.982\text{m}^2$ tại vị trí B theo Mảnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

Buộc ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L trả lại quyền sử dụng đất một phần thửa đất số 337 có diện tích $600\text{m}^2/1.982\text{m}^2$ tại vị trí B cho ông NLQ9; phần đất này có tứ cận theo Mảnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

Chấp nhận hiệu lực giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Văn P với ông NLQ9 đối với phần đất vị trí B, diện tích $600\text{m}^2/1.982\text{m}^2$ thửa 337, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An. Ông NLQ9 có quyền kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định chung của pháp luật về đất đai.

3/ Về đơn tranh chấp của ông NLQ7, bà NLQ8 xin Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi lại quyền sử dụng đất:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn kiện của ông NLQ7, bà NLQ8: Tuyên hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 193164 do NLQ1 cấp ngày 08/01/2000 cho ông Mai Minh H; Phần tuyên hủy tại thửa 337 có diện tích $600\text{m}^2/1.982\text{m}^2$ tại vị trí C, theo Mảnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

Buộc ông Mai Minh H, bà Phạm Ngọc L trả lại quyền sử dụng đất một phần thửa đất số 337 có diện tích $600\text{m}^2/1.982\text{m}^2$ tại vị trí C cho ông NLQ7, bà NLQ8; phần đất này có tứ cận theo Mảnh trích đo địa chính số 116-2016 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện ĐH duyệt ngày 14/4/2016.

Công nhận hiệu lực giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Mai Văn P với ông NLQ7 đối với phần đất vị trí C, diện tích $600\text{m}^2/1.982\text{m}^2$ thửa 337, TĐĐ số 10 tọa lạc tại thị trấn HN, huyện ĐH, tỉnh Long An. Ông NLQ7, bà NLQ8 có quyền kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo qui định chung của pháp luật về đất đai.

4/ Về Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc lập bản trích đo, định giá tài sản:

Tổng cộng đã chi số tiền là: 30.100.000đ. Tất cả các khoản chi này đều do ông Mai Văn P yêu cầu và tạm ứng chi.

Ông Mai Văn P phải chịu nộp số tiền 5.000.000đ; ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L phải chịu số tiền 25.100.000đ. Buộc ông H, bà L phải nộp 25.100.000đ để hoàn lại cho ông P số tiền là 25.100.000đ.

5/ Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Mai Văn P phải chịu 6.306.936đ án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.900.000đ tại biên lai thu số 0000866 ngày 14/10/2014 và 3.950.000đ tại biên lai thu số 0002345 ngày 9/7/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH. Hoàn trả cho ông P số tiền tạm ứng án phí là 13.543.064đ.

- Ông NLQ9, ông NLQ7 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông NLQ9 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ tại biên lai thu số 0000130 ngày 15/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH. Hoàn trả lại cho ông NLQ7 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000đ tại biên lai thu số 0000129 ngày 15/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH.

- Ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L phải liên đới chịu 112.430.242đ án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L mỗi người phải chịu 300.000đ. Ông Mai Minh H và bà Phạm Ngọc L đã nộp tạm ứng án phí mỗi người 300.000đ theo các biên lai số 0000713 ngày 17/3/2017 , 0000707 ngày 14/3/2017 được tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An được chuyển thu án phí.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Long An;
- Viện KSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự (9);
- Lưu VP (3) HS (2) 18B (Án 08)

(Đã ký)

Đặng Quốc Khởi